UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MẦM NON CAO THẮNG
=======***=======

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

NĂM HỌC 2024 - 2025

Độ tuổi: 5 - 6 tuổi

Cơ sở giáo dục mầm non: Trường Mầm non Cao Thắng

Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Hạ Long, Tháng 08 năm 2024

UBND THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MẦM NON CAO THẮNG
=======***=======

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI: 5 - 6 TUỔI

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG (CÁC VĂN BẢN)

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non

Căn cứ Quyết định số 2324/UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hạ Long; Căn cứ nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế công tác Nuôi dưỡng, Chăm sóc, Giáo dục trẻ. Trường Mầm non Cao Thắng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

1. Mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng

**** Chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo***

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

**** Tổ chức ăn***

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: *1230 - 1320 Kcal.*

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

**** Tổ chức ngủ***

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

**** Vệ sinh***

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

**** Chăm sóc sức khỏe và an toàn***

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Mục tiêu giáo dục

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

(1) Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

(2) Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói

là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

(3) Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

(4) Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân như: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

(5) Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ

Lĩnh vực	Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	**PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG**		
	MT 1	***- Trẻ đạt được cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.*** - Cân nặng: + Trẻ trai: 15,9 - 27,1 Kg. + Trẻ gái: 15,3 - 27,8 Kg - Chiều cao (cm): + Trẻ trai: 106,1 - 125,8cm. + Trẻ gái: 104,9 - 125,4cm.	+ Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu khuyến nghị năng lượng của trẻ tại trường theo độ tuổi: 615 - 726 Kcal/ngày/trẻ (Chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày) + Chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non.
	MT 2	***- Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát.***	+ Các động tác hô hấp. + Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai. + Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn. + Các động tác phát triển cơ chân.
	MT 3	***- Trẻ có thể bật xa tối thiểu 50cm. (Chỉ số 1)***	+ Một số bài tập thực hiện vận động bật.
	MT 4	***- Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm. (Chỉ số 2)***	+ Các bài tập bật – nhảy.

	MT 5	***- Trẻ biết ném trúng đích thẳng đứng.***	+ Các vận động ném trúng đích thẳng đứng.
	MT 6	***- Trẻ biết ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m. (Chỉ số 3)***	+ Bài tập: Ném và bắt bóng với người đối diện.
	MT 7	***- Trẻ thực hiện được động tác trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (Chỉ số 4)***	+ Bài tập: Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.
	MT 8	***- Trẻ có thể nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu (Chỉ số 9)***	+ Một số bài tập cho trẻ nhảy lò cò.
	MT 9	***- Trẻ biết đập và bắt được bóng bằng 2 tay.(Chỉ số 10)***	+ Các vận động đập và bắt được bóng bằng 2 tay.
	MT 10	***- Trẻ có thể giữ thăng bằng khi đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3 m)***	+ Một số vận động giữ thăng bằng cơ thể khi đi trên ván kê dốc.
	MT 11	***- Trẻ biết đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (Chỉ số 11)***	+ Các vận động đi thăng bằng trên ghế thể dục.
	MT 12	***- Trẻ có thể chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 giây. (Chỉ số 12)***	+ Một số vận động chạy có hạn chế thời gian
	MT 13	***- Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. (Chỉ số 13)***	+ Một số vận động chạy không hạn chế thời gian.
	MT 14	***- Trẻ thực hiện được các vận động bò theo yêu cầu.***	+ Một số bài tập bò.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 15	***- Trẻ biết trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.***	+ Bài tập: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.
	MT 16	***- Trẻ có thể tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. (Chỉ số 14)***	+ Tham gia từ đầu đến kết thúc một hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên. + Tham gia cùng các bạn và làm theo yêu cầu của cô trong một hoạt động khoảng 30 phút.
	MT 17	***- Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (Chỉ số 5)***	+ Một số bài tập rèn sự khéo léo của đôi bàn tay: đóng - mở cúc, kéo - mở khóa, buộc dây….
	MT 18	***- Trẻ biết cách tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ. (Chỉ số 6)***	+ Cách tô đồ theo nét vẽ, hình vẽ không chờm ra ngoài hình vẽ. + Vẽ theo ý thích, theo yêu cầu.
	MT 19	***- Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (Chỉ số 7)***	+ Cắt theo ý thích và theo yêu cầu.
	MT 20	***- Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (Chỉ số 8)***	+ Bôi hồ đều, dán các chi tiết không chồng lên nhau. + Ghép dán hình theo mẫu.
	GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
	MT 21	***- Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (Chỉ số 19)***	+ Bốn nhóm thực phẩm. + Tên một số thức ăn có trong bữa ăn hằng ngày. + Một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	*MT 21A*	***- Trẻ biết một số món ăn vặt, lành mạnh, móm ăn mới***	*+ Sữa tươi không đường và các chế phẩm từ sữa* *+ Các sản phẩm ngũ cốc, nguyên hạt* *+ Nước ép trái cây* *+ Bánh quy giòn* *+ Trái cây dầm sữa chua* *+ Sa lát rau củ trái cấy*
	MT 22	***- Trẻ nhận ra và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho sức khỏe. (Chỉ số 20)***	+ Thực phẩm bẩn, thực phẩm đã ôi thiu. + Thức ăn không phù hợp với thời tiết. + Thức ăn có hại cho sức khỏe (ăn nhiều mỡ, nhiều đường béo phì...) + Hạn chế ăn/uống thức ăn có nhiều đường: Nước ngọt, đồ uống có ga. + Hạn chế ăn thực phẩm chiên, xào, dán: Khoai tây chiên, xúc xích...
	MT 23	***- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt .***	+ Một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt: Ho, hắt hơi đúng cách...
	MT 24	***- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn, uống thành thạo.***	+ Các kĩ năng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo: cầm bát, thìa xúc ăn, không làm đổ thức ăn....
	MT 25	***- Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (Chỉ số 15)***	+ Cách rửa tay bằng xà phòng + Các đồ dùng cần thiết để rửa tay.. + Khu vực bé đi vệ sinh trong lớp, trong trường.

			+ Bé nên rửa tay khi nào?
	MT 26	***- Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày. (Chỉ số 16)***	+ Cách bé đánh răng, rửa mặt. + Những đồ dùng cần thiết để bé đánh răng, rửa mặt. + Bé đánh răng rửa mặt khi nào?
	MT 27	***- Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (Chỉ số 17)***	+ Một số hành vi văn minh nơi công cộng.
	MT 28	***- Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (Chỉ số 18)***	+ Một số hành động giữ gìn đầu tóc, quần áo gọn gàng: vuốt tóc, chải tóc...
	MT 29	***- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (Chỉ số 21)***	+ Một số đồ vật gây nguy hiểm: Dao, kéo, ổ điện, thanh sắc nhọn.. + Cách phòng tránh 1 số đồ vật gây nguy hiểm. + Trẻ biết sử dụng thang máy, cửa cuốn an toàn.
	MT 30	***- Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (Chỉ số 22)***	+ Một số việc gây nguy hiểm với bé: Nghịch ổ điện, chơi ở gần cống rãnh, khu công trường.
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 31	***- Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (Chỉ số 23)***	+ Một số khu vực có thể gây nguy hiểm: Không chơi gần ao, hồ, sông ngòi, công trình đang xây dựng.. + Một số nơi mất vệ sinh (hố rác, cống, rãnh, chợ bán gia cầm...)
	MT 32	***- Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. (Chỉ số 24)***	+ Các tình huống khi người lạ rủ, cách xử trí. + Các tình huống khi được người lạ cho quà mà chưa được bố mẹ, cô giáo cho phép.

	MT 33	***- Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (Chỉ số 25)***	+ Các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra(cháy, bị khóa trái trong nhà....) + Kỹ năng thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn.
	MT 34	***- Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (Chỉ số 26)***	+ Biển cấm hút thuốc. + Tác hại của thuốc lá với sức khỏe của con người.
	MT 35	***- Trẻ biết một số cách tự giữ gìn sức khỏe bản thân.***	+ Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường. + Một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân, cách phòng tránh.
	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
	MT 36	***- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (Chỉ số 27)***	+ Tên, tuổi, giới tính, sở thích + Địa chỉ gia đình + Tên bố mẹ và một số thành viên trong gia đình. + Số điện thoại của bố mẹ.
	MT 37	***- Trẻ biết cách ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (Chỉ số 28)***	+ Một số cách ứng xử phù hợp với giới tính của trẻ.
	MT 38	***- Trẻ nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. (Chỉ số 29)***	+ Sở thích, khả năng của bản thân. + Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
	MT 39	***- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo***	+ Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		***những việc vừa sức.***	sức: Lau bàn, cất bàn, ghế...
	MT 40	***- Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. (Chỉ số 30)***	+ Những trò chơi bé thích. + Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	MT 41	***- Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.(Chỉ số 35)***	+ Một số trạng thái cảm xúc của người khác: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ,…
	MT 42	***- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói và cử chỉ, nét mặt. (Chỉ số 36)***	+ Lời nói của bé khi bé: Vui, buồn, sợ hãi… + Gương mặt của bé, hành động cùa bé khi vui, buồn (sợ hãi….)
	MT 43	***- Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (Chỉ số 37)***	+ Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. + Hành động của bé khi bạn buồn, ốm… + Hành động của bé trong ngày sinh nhật bạn, khi bạn chiến thắng …
	MT 44	***- Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (Chỉ số 38)***	+ Lời nói của bé khi đứng trước cảnh đẹp thiên nhiên, bức tranh đẹp, trang phục đẹp, các con vật + Hành động, điệu bộ, cử chỉ của bé trước cái đẹp.
	MT 45	***- Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. (Chỉ số 39)***	+ Cách chăm sóc, cây cối con vật… + Thái độ, lời nói của bé khi thấy con vật bị đau cây cối bị gãy…
	MT 46	***- Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm***	+ Một số hành vi văn minh nơi công cộng (đi nhẹ khi

		xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS 40)	người ốm…) + Bé trong giờ học. + Bé với các sự kiện vui tổ chức ở nhà, ở trường, các lễ hội. + Bé với những sự kiện buồn ở trường ở nhà.
	MT 47	***- Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (Chỉ số 41)***	+ Trấn tĩnh và kiềm chế những hành vi tiêu cực với sự giúp đỡ của người lớn.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	MT 48	***- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác. Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện … về Bác.***	+ Hình ảnh Bác Hồ kính yêu. + Một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ. + Cách thể hiện tình cảm kính yêu đối với Bác Hồ.
	MT 49	***- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích văn hóa… của địa phương, quê hương, đất nước. Biết biểu lộ tình cảm, cảm xúc đối với Quê hương - Đất nước.***	+ Một số di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước. + Cách biểu lộ tình cảm đối với quê hương, đất nước.
	MT 50	***- Trẻ thể hiện cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (Chỉ số 31)***	+ Bé với công việc được giao.
	MT 51	***- Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (Chỉ số 32)***	+ Thái độ khi hoàn thành công việc.
	MT 52	***- Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày. (Chỉ số 33)***	+ Bé tự mình làm được nhiều việc. + Công việc ở nhà của bé.
	MT 53	***- Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.***	+ Ước mơ của bé.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		***(Chỉ số 34)***	+ Những việc bé thích.
	PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
	MT 54	***- Trẻ biết thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.***	+ Nội qui lớp học. + Qui tắc ứng xử trong gia đình. + Hành vi văn minh nơi công cộng.
	MT 55	***- Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi. (Chỉ số 42)***	+ Thái độ và hành động của trẻ với bạn bè trong nhóm chơi.
	MT 56	***- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. (Chỉ số 43)***	+ Thái độ và hành động của bé khi giao tiếp với các bạn và người lớn.
	MT 57	***- Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. (Chỉ số 44)***	+ Bé chia sẻ với các bạn về chuyện vui, buồn của mình. + Bé chia sẻ đồ chơi với các bạn.
	MT 58	***- Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (Chỉ số 45)***	+ Những việc bé làm khi bạn của bé gặp khó khăn, cần giúp đỡ.
	MT 59	***- Trẻ tham gia nhóm bạn chơi thường xuyên. (Chỉ số 46)***	+ Các bạn hay chơi cùng trẻ. + Các bạn mà bé thích chơi cùng.
	MT 60	***- Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (Chỉ số 47)***	+ Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. + Chờ đến lượt mình khi tham gia các hoạt động.
	MT 61	***- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(Chỉ số 48)***	+ Thái độ, hành động của bé khi nghe người khác nói.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP			+ Hành động của bé khi muốn phát biểu ý kiến. + Bé làm gì khi người khác đang nói
	MT 62	***- Trẻ biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn. (Chỉ số 49)***	+ ý kiến của bé trước một sự kiện. + Bé chia sẻ những gì khi chơi với các bạn.
	MT 63	***- Trẻ thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (Chỉ số 50)***	+ Bé làm gì để giải quyết mẫu thuẫn với bạn. + Bé chơi với các bạn của bé.
	MT 64	***- Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (Chỉ số 51)***	+ Bé và các sự kiện được tổ chức trong nhóm, lớp + Thái độ và hành động của bé khi được giao nhiệm vụ.
	MT 65	***- Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (Chỉ số 52)***	+ Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cùng người khác.
	MT 66	***- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. (Chỉ số 53)***	+ Hành động, lời nói của bé khi bạn vui, buồn. + Những việc làm của bé khiến cho người khác vui (buồn)?
	MT 67	***- Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.(CS 54)***	+ Những câu chào hỏi phù hợp với đối tượng hoàn cảnh.
	MT 68	***- Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (Chỉ số 55)***	+Thái độ, hành động, lời nói của bé khi cần sự giúp đỡ của người lớn.
	MT 69	***- Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn và người thân. (Chỉ số 58)***	+ Bé biết gì về bạn bè trong lớp. + Bé tìm hiểu (quan tâm) khả năng, sở thích của người thân trong gia đình.
	MT 70	***- Trẻ biết chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (Chỉ số 59)***	+ Các bạn trong lớp và bé. + Các bạn ở những vùng miền khác nhau.

	MT 71	***- Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. (Chỉ số 60)***	+ Ý kiến của bé trước sự không công bằng. + Cách của bé để tạo lại sự công bằnguốn của bé về sự công bằng.
	MT 72	***- Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (Chỉ số 56)***	+ Hành vi đúng sai với môi trường xung quanh. + Thái độ của bé trước những hành vi đúng và sai đối với môi trường.
	MT 73	***- Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (Chỉ số 57)***	+ Một số hành vi bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định; Không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa ...Tiết kiệm điện nước...
	MT 74	***- Trẻ biết một số kỹ năng ứng phó và giảm nhẹ hậu quả của biến đổi khí hậu.***	+ Một số kỹ năng ứng phó và giảm nhẹ hậu quả của biến đổi khí hậu: nghe dự báo thời tiết; Mặc ấm khi trời lạnh, tìm nơi trú ẩn khi trời mưa hay gió lốc; Trồng và bảo vệ cây, chăm sóc vật nuôi, bảo vệ nguồn nước, cây xanh....
	MT 75	***-Trẻ có một số hành vi ứng xử văn minh của người dân du lịch thành phố Hạ Long***	+ Hành vi văn minh của người dân đón khách du lịch. + Lời chào, cử chỉ thân thiện. + Một số kĩ năng giới thiệu cảnh đẹp của thành phố Hạ Long của bé.
	NGHE, HIỂU LỜI NÓI TRONG GIAO TIẾP HÀNG NGÀY		
	MT 76	***- Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (Chỉ số 61)***	+ Nghe âm thanh trong cuộc sống hàng ngày. + Nghe các giọng nói với sắc thái tình cảm khác nhau.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP	MT 77	***- Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động. (Chỉ số 62)***	+ Thực hiện các yêu cầu của cô, của người lớn và các bạn trong các hoạt động.
	MT 78	***- Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. (Chỉ số 63)***	+ Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi.
	MT 79	***- Trẻ có khả năng nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. (Chỉ số 64)***	+ Nghe truyện, thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè. + Nghe các bài hát.
	MT 79-A (MTPTCT)	***- Trẻ nghe hiểu một số từ Tiếng Anh phù hợp với độ tuổi***	+ Nghe từ mới, câu đơn
	MT 80	***- Trẻ có thể lắng nghe và nhận xét ý kiến với người đối thoại***	+ Nghe người khác nói và đáp lại bằng lời nói phù hợp.
	SỬ DỤNG LỜI NÓI TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY		
	MT 81	***- Trẻ biết sử dụng lời nói rõ ràng. (Chỉ số 65)***	+ Cách phát âm chuẩn các chữ cái trong bảng chữ cái. (Sử dụng bộ phát âm tiếng Việt). + Cách phát âm tiếng Việt khi trình bày các tác phẩm văn học hay trình bày ý kiến của bản thân + Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe.
	MT 81-A (MTPTCT	***- Trẻ nói được một số từ Tiếng Anh phù hợp với độ tuổi***	+ Nói rõ để người nghe hiểu được

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP	)		
	MT 82	***- Trẻ sử dụng được các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. (Chỉ số 6***	+ Danh từ, động từ, tính từ….phù hợp với câu nói. + Từ láy, từ cảm thán phù hợp với ngữ cảnh và câu nói mà trẻ truyền đạt (VD: Ô tô nhà bạn Lan đẹp ơi là đẹp!)
	MT 83	***- Trẻ sử dụng được các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (Chỉ số 67)***	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày. - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau. - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân so sánh: Vì sao? Như thế nào?
	MT 84	***- Trẻ sử dụng được lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (Chỉ số 68)***	+ Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật hiện tượng nào đó khi được người lớn yêu cầu. + Thuyết trình ý tưởng, phát biểu cảm nghĩ các tác phẩm nghệ thuật, đồ vật của bản thân, với người gần gũi…
	MT 85	***- Trẻ sử dụng được lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (Chỉ số 69)***	+ Hướng dẫn các bạn trong trò chơi và trong các hoạt động.
	MT 86	***- Trẻ kể được về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được. (Chỉ số 70)***	+ Kỹ năng kể chuyện theo ý thích, theo chủ đề, theo yêu cầu. + Kỹ năng thuyết trình, hùng biện.
	MT 87	***- Trẻ biết kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (Chỉ số 71)***	+ Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác. + Kể chuyện theo kinh nghiệm. + Kể chuyện theo chủ đề tự chọn.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP	MT 88	***- Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.(Chỉ số 72)***	+ Cách khởi xướng cuộc trò chuyện.
	MT 89	***- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (Chỉ số 73)***	+ Cường độ giọng của bé khi giao tiếp (không quá to, không nói lí nhí, nói nhỏ trong giờ ngủ, nói ở nơi công cộng, không nói to….) + Hành động của bé khi người khác đang nói.
	MT 90	***- Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (Chỉ số 74)***	+ Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	MT 91	***- Trẻ biết tự giác chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác. (Chỉ số 75)***	+ Hành động của bé khi người khác đang nói. + Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác… + Thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
	MT 92	***- Trẻ biết cách hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (Chỉ số 76)***	+ Những hành động của bé khi không hiểu người khác nói. + Những câu bé sử dụng phù hợp với tình huống: cảm ơn, xin lỗi....
	MT 93	***- Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (Chỉ số 77)***	+ Lựa chọn các từ "Tạm biệt", "Xin chào", "Cảm ơn"; "Xin lỗi", "Xin phép", "Thưa", "Dạ", "Vâng"…. Để sử dụng phù hợp với tình huống giao tiếp.
	MT 94	***- Trẻ biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác. (Chỉ số 120)***	+ Đặt tên mới cho câu chuyện. + Kể chuyện sáng tạo.
	MT 95	***- Trẻ biết đọc biểu cảm các bài thơ, đồng***	+ Đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao... khác nhau theo

		dao, ca dao...	chủ đề.
	MT 96	***- Trẻ không nói tục, chửi bậy. (Chỉ số 78)***	+ Bé với những câu nói văn minh lịch sự. + Thái độ của bé với những lời nói thô tục.
	LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC - VIẾT		
	MT 97	***- Trẻ thể hiện hứng thú và thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (Chỉ số 79)***	+ Chữ cái ở môi trường xung quanh. + Chữ cái trên sách, báo, vỏ các sản phẩm yêu thích, trên tranh ảnh…
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP	MT 98	***- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách. (Chỉ số 80)***	+ Sưu tầm các loại sách truyện. + Tham gia vào góc sách truyện, đọc sách truyện theo ý thích. + Thể hiện sự thích thú với sách. + Chọn sách để đọc và xem.
	MT 99	***- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (Chỉ số 81)***	+ Hành vi, thái độ khi sử dụng sách.
	MT 100	***- Trẻ biết được ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (Chỉ số 82)***	+ Một số kí hiệu gần gũi với trẻ trong cuộc sống. + Một số biểu tượng gần gũi với trẻ trong cuộc sống.
	MT 101	***- Trẻ thực hiện được một số hành vi như người đọc sách. (Chỉ số 83)***	+ Một số hành vi của người đọc sách. + Thái độ của bé đối với sách.
	MT 102	***- Trẻ biết cách "Đọc" theo truyện tranh đã biết. (Chỉ số 84)***	+ Đọc truyện đã biết nội dung trẻ đọc phù hợp với các hình ảnh trong tranh. + Đọc tên câu truyện dựa vào trang bìa của truyện.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP	MT 103	***- Trẻ biết kể chuyện theo tranh. (CS 85)***	+ Kể lại chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	MT 104	***- Trẻ nhận ra chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (Chỉ số 86)***	+ Đoán được các dòng chữ trên các thiếp chúc mừng có hình ảnh minh họa (chúc mừng năm mới….) + Đoán được nội dung của các dòng chữ trong các nhãn hàng quảng cáo quen thuộc…
	MT 105	***- Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (Chỉ số 87)***	+ Cách ghi các biểu tượng trong các hoạt động (biểu tượng thời tiết trong ngày, việc trẻ muốn làm trong ngày, kí hiệu theo dõi, quan sát thí nghiệm…)
	MT 106	***- Trẻ có thể bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (Chỉ số 88)***	+ Tô chữ, đồ chữ, cắt ,dán chữ. + Xếp hình chữ bằng nhiều nguyên vật liệu khác nhau.
	MT 107	***- Trẻ biết "viết" tên của bản thân theo cách của mình. (Chỉ số 89)***	+ Viết tên trong các sản phẩm tạo hình. + Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân.
	MT 108	***- Trẻ biết cách "viết" chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (Chỉ số 90)***	+ Cầm bút, ngồi học đúng tư thế. + Vẽ, xếp ….theo chiều từ trái sang phải. + Tập tô chữ, đồ chữ, xếp chữ theo chiều từ trái sang phải từ trên xuống dưới.
	MT 109	***- Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (Chỉ số 91)***	+ Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
	KHÁM PHÁ KHOA HỌC		
	MT 110	***- Trẻ hay đặt câu hỏi. (Chỉ số 112)***	+ Cách đặt câu hỏi trong các hoạt động.
	MT 111	***- Trẻ thích được khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (Chỉ số 113)***	+ Sự quan tâm, thái độ của bé với môi trường xung quanh.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT 112	***- Trẻ thích khám phá các bộ phận của cơ thể con người.***	+ Tên các bộ phận trên cơ thể con người, chức năng các giác quan. + Cách giữ gìn, vệ sinh sạch sẽ các bộ phận trên cơ thể.
	MT 113	***- Trẻ gọi được tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (Chỉ số 92)***	+ Gọi tên nhóm cây, con vật gần gũi xung quanh + Đặc điểm, lợi ích, và tác hại của động vật, thực vật.
	MT 114	***- Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (Chỉ số 93)***	+ Sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối, con vật. + Mối liên hệ giữa cây cối, con vật và môi trường sống.
	MT 115	***- Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (Chỉ số 94)***	+ Tên gọi, đặc điểm nổi bật về thời tiết của các mùa trong năm. + Sinh hoạt của con người với các mùa trong năm.
	MT 116	***- Trẻ có một số hiểu biết về biến đổi khí hậu: nắng nóng khéo dài, mưa, bão bất thường và nhiều dông tố, lốc xoáy, lũ lụt kéo dài, rét đậm, rét hại ...***	+ Các dấu hiệu nhận biết thời tiết: nắng, mưa, mây, gió, nóng lạnh ... diễn ra trong một thời gian rất ngắn như: sáng, trưa, chiều, tối ở một khoảng không gian hẹp như xã, huyện, tỉnh, vùng.
	MT 117	***- Trẻ biết một số nguồn nước, đặc điểm, ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối.***	+ Một số nguồn nước, đặc điểm, ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. + Cách bảo vệ nguồn nước sạch.
	MT 118	***- Trẻ biết một số hiện tượng tự nhiên: không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó.***	+ Một số hiện tượng tự nhiên: không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
	MT 119	***- Trẻ biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.***	+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Ích lợi của đất, đá, cát, sỏi.
	MT 120	***- Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (Chỉ số 95)***	+ Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra.
	MT 121	***- Trẻ phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (Chỉ số 96)***	+ Phân loại đồ dùng đồ chơi theo công dụng, chất liệu.
	MT 122	***- Trẻ biết đặc diểm, công dụng của một số phương tiện giao thông, biết phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu.***	+ Các phương tiện giao thông.
	MT 123	***- Trẻ có khả năng giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (Chỉ số 114)***	+ Vòng đời phát triển của con vật, cây cối. + Các hiện tượng tự nhiên.
	MT 124	***- Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (Chỉ số 115)***	+ Phân loại các nhóm đối tượng theo đặc điểm dấu hiệu. + Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
	MT 125	***- Trẻ thực hiện được một số công việc theo cách riêng của mình và thể hiện được ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (Chỉ số 118, 119)***	+ Thí nghiệm. + Hoạt động trải nghiệm

	MT 125A	***- Trẻ nhận biết được đặc điểm, tên gọi và thực hiện một số thao tác đơn giản của máy tính.***	*+ Đọc được chữ và số trên bàn phím* *+ Biết một số bộ phận của máy tính* *+ Biết thực hiện một số thao tác đơn giản*
	LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
	MT 126	***- Trẻ nhận biết được các con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (Chỉ số 104)***	+ Đếm đến 10 và đếm theo khả năng. + Nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 10
	MT 127	***- Trẻ thực hiện được tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. (Chỉ số 105)***	+ Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm. + Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 thành 2 phần bằng các cách. + So sánh số lượng của các nhóm.
	MT 128	***- Trẻ biết nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống.***	+ Ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe ...)
	MT 129	***- Trẻ biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (Chỉ số 106)***	+ Sử dụng 1 số dụng cụ để đong, đo. + So sánh, nói kết quả đo.
	MT 130	***- Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (Chỉ số 107)***	+ Gọi tên và chỉ ra các điểm giống khác nhau giữa khối cầu, khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật
	MT 131	***- Trẻ biết cách xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (Chỉ số 108)***	+ Xác định vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. + Sử dụng lời nói và hành động để miêu tả vị trí đồ vật

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT 132	***- Trẻ gọi được tên các ngày trong tuần theo thứ tự. (Chỉ số 109)***	+ Tên các ngày trong tuần. + Sắp xếp theo trình tự các thứ trong tuần
	MT 133	***- Trẻ biết cách phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày. (Chỉ số 110)***	+ Các buổi trong ngày. + Ngày hôm qua, ngày hôm nay, ngày mai, ngày kia..
	MT 134	***- Trẻ nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ (Chỉ số 111).***	+ Các loại lịch, cách xem lịch + Các loại đồng hồ và cách xem giờ.
	MT 135	***- Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (Chỉ số 116)***	+ Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. + Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. + Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI		
	MT 136	***- Trẻ biết những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường ...***	+ Tên, địa chỉ và một số đặc điểm của trường, lớp mầm non. + Tên, công việc của các cô bác trong trường ...
	MT 137	***- Trẻ biết đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.***	+ Họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp. + Một số hoạt động của trẻ ở lớp, trường.
	MT 138	***- Trẻ nói được họ tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình.***	+ Tên, đặc điểm của các thành viên trong gia đình. + Các hoạt động của gia đình. + Địa chỉ của gia đình.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT 139	***- Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (Chỉ số 97)***	+ Kể 1 số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống + Trả lời câu hỏi của người lớn về những địa điểm công công gần gũi với trẻ.
	MT 140	***- Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (Chỉ số 98)***	+ Tên 1 số nghề phổ biến nơi trẻ sống. + Đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề.
	MT 141	***- Trẻ biết một số quy định giao thông. Thực hiện quy định giao thông khi tham gia GT.***	+ Một số quy định giao thông phổ biến. + Cách thực hiện đúng quy định giao thông và nhắc nhở người lớn khi cùng người lớn tham gia giao thông.
	MT 142	***- Trẻ biết một số danh lam thắng cảnh của quê hương, một số sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.***	+ Một số cảnh đẹp của thành phố Hạ Long. + Một số di tích lịch sử của Hạ Long, Quảng Ninh. + Sự kiện văn hóa của địa phương. + Một số di tích lịch sử đất nước.
	MT 143	***- Trẻ có thể kể được tên, và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.***	+ Một số ngày hội, ngày lễ. + Các hoạt động. + Các hành vi văn minh khi tham gia lễ hội.
	ÂM NHẠC		
	MT 144	***- Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (Chỉ số 99)***	+ Lắng nghe âm thanh trong thiên nhiên, trong cuộc sống. + Nghe các bài hát, bản nhạc có tiết tấu, giai điệu, tính chất khác nhau.

			+ Phân biệt các bài hát, bản nhạc theo tính chất, giai điệu(vui, buồn, nhanh, chậm….) qua các trò chơi âm nhạc + Nghe và hưởng ứng cảm xúc các câu chuyện, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ...
	MT 145	***- Trẻ có thể đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu, hoặc 1 đoạn).(Chỉ số 117)***	+ Đặt tên cho bài hát khi chưa được biết tên theo yêu cầu của cô. + Đặt tên mới cho bài hát quen thuộc.hát quen thuộc.
	MT 146	***- Trẻ biết hát đúng giai điệu bài hát trẻ em. (Chỉ số 100)***	+ Các bài hát phù hợp theo độ tuổi
	MT 146-A (MTPTCT)	***- Trẻ làm quen với một số bài hát Tiếng Anh***	+ Hát đúng lời, giai điệu của bài hát + Hiểu nội dung bài hát
	MT 147	***- Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (Chỉ số 101)***	+ Gõ đệm theo nhịp tiết tấu phù hợp với nhịp điệu của bài hát. + Vận động minh họa (múa, nhảy, …) phù hợp với nhịp điệu, giai điệu của bài hát, bản nhạc. + Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
	TẠO HÌNH		
	MT 148	***- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (Chỉ số 102)***	+ Cách làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu phế thải dưới sự hướng dẫn của người lớn. + Cách làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu thiên nhiên. + Thái độ và cảm xúc của bé khi tự tạo ra đồ dùng đồ chơi.

PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	MT 149	***- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình khác nhau để tạo thành sản phẩm.***	+ Phối hợp các các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo thành sản phẩm có màu sắc, đường nét hài hòa, bố cục cân đối.
	MT 150	***- Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (Chỉ số 103)***	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của các bạn. + Chơi với các sản phẩm làm từ các nguyên vật liệu thiên nhiên. + Làm đồ chơi theo ý thích bằng các nguyên vật liệu tự chọn. + Đặt tên cho sản phẩm.

IV. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CÁC SỰ KIỆN LỚN
1	**Trường mầm non**	02	16/09/2024-> 27/09/2024	- Bé vui trung thu
2	**Bản thân**	03	30/09/2024 -> 18/10/2024	- Ngày Phụ nữ VN 20/10
3	**Gia đình**	04	21/10/2024 -> 15/11/2024	
4	**Những nghề bé yêu**	04	18/11/2024 -> 13/12/2024	- Ngày nhà giáo VN 20/11
5	**Thế giới thực vật**	04	16/12/2024 - > 10/01/2025	- Ngày thành lập Quân đội NDVN 22/12
6	**Tết và mùa xuân**	02	13/01/2025- > 24/01/2025	- Dự án tết
Nghỉ tết 2 tuần: 27/01/2025 -> 08/02/2025				
7	**Thế giới động vật**	03	10/02/2025- > 28/02/2025	
8	**Phương tiện và quy định giao thông**	04	03/3/2025-> 21/3/2025	- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
9	**Nước và các hiện tượng tự nhiên**	03	31/3/2025-> 18/4/2025	- Lễ hội du lịch Hạ Long
10	**Quê hương - Đất nước - Bác Hồ**	04	21/4/2025-> 16/5/2025	- Ngày sinh nhật Bác 19/5

11	**Trường Tiểu học**	02	19/5/2025-> 30/5/2025	- Tết thiếu nhi 1.6
Tổng	**10 chủ đề**	**35 tuần**	**Tuần 1 bắt đầu 16/09/2024** **Tuần 35 kết thúc vào 30/5/2025**	

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Cao Thắng. Đề nghị tổ chuyên môn khối Mẫu giáo 5 - 6 tuổi căn cứ Kế hoạch để xây dựng Kế hoạch tại nhóm/lớp. Mọi vướng mắc cần trao đổi lại với BGH nhà trường để cùng thống nhất./.

Cao Thắng, ngày 23 tháng 08 năm 2024

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
T.M HỘI ĐỒNG NHÀ TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒ

Đặng Thị Hoài Hương

TM. TỔ CHUYÊN MÔN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Phương